TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2024
V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chính; ông Phạm Công Định.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991; ĐKHKTT: KDC Số 8, P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số C, đường W, quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

Người được chị N ủy quyền giao, nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số B đường P, tổ dân phố V, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Hà Viết C, sinh năm 1990; ĐKHKTT và chỗ ở: KDC S, P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1968 và bà Dương Thị O, sinh năm 1971; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Viết C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 05/10/2017 tại UBND phường P, thành phố C, Hải Dương. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống ở khu dân cư số 8 P, P, Chí L, Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Tháng 10/2020 chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, thời gian đầu khi chị mới đi, chị và anh C vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại nhưng sau đó do anh C ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng. Từ năm 2022 chị và anh C không còn liên lạc, anh C chặn hết mọi liên lạc với chị. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục được nữa nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Hà Viết B, sinh ngày 04/04/2018, hiện nay con chung đang ở với anh C. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, chị tôn trọng quyết định của Tòa án. Trường hợp nếu chị được giao nuôi con, chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Trần Văn K và bà Dương Thị O nuôi dưỡng, chăm sóc con trai của chị cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị bị đơn anh Hà Viết Công trình b:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh và chị N chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2020 chị N một mực đòi đi lao động ở Đài Loan, lúc đầu anh không đồng ý nhưng do chị N vẫn cương quyết nên anh phải nhượng bộ. Tháng 10/2020 chị N sang Đài Loan lao động, thời gian đầu chị N vẫn điện thoại về nhà vợ chồng nói chuyện nhưng sau đó ít liên lạc và không quan tâm đến gia đình nữa. Anh thấy chị N có sự thay đổi về tình cảm nên đã nói chuyện với chị N nhưng chị N cho rằng anh ghen tuông vô

cớ, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Sau đó anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Đến nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí vì xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Hà Viết B, sinh ngày 04/04/2018, hiện nay con chung đang ở với anh. Vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cùng anh, số tiền 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K, bà Dương Thị O trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Trần Thị N. Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Tháng 10/2020 chị N đi lao động ở Đài Loan, thời gian đầu chị N mới đi, chị N và anh C vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, vợ chồng vẫn vui vẻ. Được một thời gian thì giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, sau đó thì không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh C, ông bà đề nghị Tòa án án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị N, anh C. Về con chung: Chị N và anh C có 01 con chung là Hà Viết B, sinh ngày 04/04/2018, hiện nay cháu B đang ở với anh C. Trường hợp nếu chị N được giao nuôi con, ông bà đồng ý nhận sự ủy quyền của chị N về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi chị N về nước. Do ở xa đi lại khó khăn nên ông bà đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt ghi giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về

đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Hà Viết C; Về con chung: Giao con chung Hà Viết B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C = 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 05/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư số H P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan; bị đơn anh Hà Viết C hiện đang sinh sống tại khu dân cư S P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị N không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Văn phòng K1 tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N, anh Hà Viết C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 05/10/2017 tại UBND phường P, thành phố C, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị N, anh C có cơ sở xác định quá trình chị N, anh C chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau, anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến nhau từ năm 2022. Chị N trình bày không còn tình cảm với anh C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C. Anh C cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N,

xử cho chị N được ly hôn anh C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N, anh C có 01 con chung là Hà Viết B, sinh ngày 04/04/2018, hiện nay con chung đang ở anh C. Anh C xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con = 1.000.000đ/tháng. Chị N trình bày chị tôn trọng quyết định của Tòa án, trường hợp chị được giao nuôi con thì chị ủy quyền cho ông K, bà O chăm sóc cháu B cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử thấy hiện con chung đang ở anh C, anh C đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con, chị N đang lao động ở nước ngoài nên điều kiện trực tiếp chăm sóc con bị hạn chế. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, giao con chung là Hà Viết B cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh C trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn, đồng thời phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Hà Viết C.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Viết B, sinh ngày 04/04/2018 cho anh Hà Viết C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh C là

1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ khi anh C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị N không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng = 600.000đ, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000509 ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Văn T nộp thay), chị N còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường P, C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy